

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 20- 4- 2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Điêu Hoàng Tiếp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Thạch Ân.

Nghề nghiệp: Bác sĩ.

Nơi công tác: Trung tâm y tế huyện Cầu Kè.

2/- Ông Thạch Quone

Nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi công tác: Trường Dân tộc nội trú huyện Cầu Kè.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Thành Tú**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS, ngày 22 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 26/03/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HS ngày 10/4/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1981 tại Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp Trà B , xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 và bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1966; Tiền án: không; Tiền sự: Không; bị bắt ngày 19/11/2016 đến ngày 01/12/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Lục Khả Tú** là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có gửi bản luận cứ và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- *Bị hại:*

1. Ông **Giang N**, sinh năm 1988 (có mặt)
2. Bà **Thạch Thị Qui N**, sinh năm 1991 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trà B , xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

2. Bà Thạch Thị D, sinh năm 1948 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Sóc R, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

3. Em Thạch Thị Ngọc N, sinh năm 2005 (vắng mặt)
4. Em Thạch Thị Ngọc B (07 tháng tuổi) (vắng mặt)

Người giám hộ cho em N và em B

Bà Thạch Thị Sa V, sinh năm 1969(có mặt)

Địa chỉ: ấp Sóc R, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

5. Em Thạch S, sinh năm 2005(vắng mặt)
6. Em Thạch C, sinh năm 2004(vắng mặt)
7. Em Thạch T, sinh năm 2007(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Sóc R, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

8. Ông Thạch Th, sinh năm 1973(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Chông N, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

- *Người làm chứng:*

1. Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1967; (vắng mặt)
2. Bà Thạch Thị Sa V, sinh năm 1969; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Sóc R, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

3. Ông Sơn Sô P, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trà B , xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

- *Người phiên dịch:* Ông **Thạch Am** – Cán bộ hưu trí. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15/11/2016 bị cáo Nguyễn Văn Hời chơi về nhà thì bị cha ruột là ông Nguyễn Văn H đuổi đánh nên bị cáo H đi đến nhà của ông Giang N và bà Thạch Thị Qui N ở cùng ấp, gần nhà để xin cơm ăn. Khi đến nhà ông N và bà N bị cáo đi vào bên trong phía sau nhà bà N và ông N, bị cáo thấy mọi người trong nhà đã ngủ say nên bị cáo lấy cơm ăn nhưng không ai hay biết. Lúc này, bị cáo nhớ lại nhà bà N vừa bán heo có tiền nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tiền để tiêu xài cá nhân. Bị cáo đi đến giường nơi bà N và ông N đang nằm ngủ và dùng tay vén rèm che giường ngủ lên thì phát hiện dưới chiếu gần chân bà N có một sấp tiền và bị cáo dùng tay phải lấy trộm sấp tiền rồi cất giấu vào túi quần sọt bên phải của mình và đi ra ngoài theo đường cửa sau. Khi ra bên ngoài, bị cáo đi đến nơi nuôi vịt gần nhà bà N, có đèn chiếu sáng lấy số tiền vừa lấy trộm được từ trong túi quần bên phải ra đếm được 14.000.000đ. Đếm tiền xong, bị cáo cất giấu số tiền trên vào túi quần. Sau đó, bị cáo đi bộ đến chợ Phong Thạnh, huyện Cđón xe khách đi lên thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh chơi và tiêu xài cá nhân hết 1.636.000đ. Số tiền còn lại bị cáo dùng mua điện thoại di động hiệu KECHAODA với số tiền 1.800.000đ, một thẻ nhớ 8G với số tiền 100.000đ, một Sim điện thoại Viettel với số tiền 80.000đ, một thẻ cào Viettel với số tiền 50.000đ, mua một bao gạo 25kg với số tiền 350.000đ, mua một chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,55 chỉ với số tiền 1.500.000đ, mua một đôi dép kẹp màu vàng với số tiền 60.000đ, mua một dây thắt lưng với số tiền 60.000đ và ăn uống hết 350.000đ. Ngày 16/11/2016 bị cáo thuê xe ôm với số tiền 10.000đ để đi đến nhà bà Thạch Thị Sa V (*dì ruột của bị cáo*), cư ngụ ấp Sóc R, xã Hoà Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh chơi và mang theo bao gạo đã mua cho bà Thạch Thị D (*bà ngoại của bị cáo*). Khi đến nhà bà Sa V bị cáo Hlấy tiền từ trong túi quần bên trái và túi áo ra đưa cho bà Sa V, bà Sa V đếm được số tiền 700.000đ và đưa lại cho bà D cất giữ. Sau đó, bà D đưa lại cho bị cáo Hsố tiền 400.000đ còn lại 300.000đ bà D cất giữ. Bị cáo Hlấy tiền cho Thạch Thị Ngọc B với số tiền 100.000đ, Thạch Thị Ngọc N với số tiền 50.000đ, Thạch S, Thạch C và Thạch T, mỗi người 20.000đ, bị cáo cho ông Thạch Th, cư ngụ ấp Chông N, xã Hoà Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh mượn số tiền 100.000đ, mua một bao thuốc lá hiệu HERO với số tiền 20.000đ, mua thẻ cào điện thoại với số tiền 200.000đ và bị cáo đưa cho bà Sa V 200.000đ để mua bia về uống. Tổng cộng bị cáo đã sử dụng, tiêu xài hết số tiền 6.986.000 đồng, còn lại số tiền 7.014.000đồng. Sau khi nhậu được một lúc, bị cáo giữ lại số tiền 440.000đ, và mang số tiền 6.574.000đồng đem đi cất giấu dưới

đồng gạch tàu bên trái nhà bà Sa Vương theo hướng từ ngoài nhìn vào, mục đích để tiêu xài cá nhân. Sau khi cất giấu xong bị cáo bỏ đi, khoảng 10 phút sau bị cáo quay lại kiểm tra thì phát hiện số tiền vừa cất giấu đã bị mất. Sau đó, lo sợ bị phát hiện nên bị cáo đã trốn dưới chân cầu Ban Trang thuộc khóm 6, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Đến ngày 19/11/2016 bị cáo về nhà bà D thì bị Cơ quan Công an mời làm việc, quá trình làm việc bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Lệnh bắt khẩn cấp.

Trong quá trình điều tra ngày 28/12/2016 bà Thạch Thị Sa R (mẹ bị cáo) yêu cầu giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo Hên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 73/KL-VPYTW ngày 14/02/2017 của Viện pháp y Tâm thần Trung ương Biên Hoà kết luận: *Về y học: “Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay bị cáo bị bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70 – ICD.10). Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay bị can bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi”.*

Ngày 15/02/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cra Quyết định áp dụng bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo Nguyễn Văn H tại Viện pháp y Tâm thần Trung ương Biên Hoà. Đến ngày 20/11/2017 Viện pháp y Tâm thần Trung ương Biên Hoà có bản kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian bắt buộc chữa bệnh bắt buộc số 516/KL-VPYTW đối với bị cáo Nguyễn Văn H như sau: *Bị bệnh: chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70-ICD.10). Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa, đương sự có đủ nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.*

Ngày 01/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cra Quyết định đình chỉ bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo Nguyễn Văn H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn H cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, h, n khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 36 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh kết hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại bà Thạch Thị Qui N và ông Giang N số tiền là 7.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Tuyên tịch thu giao toàn bộ số vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động màu bạc, hiệu KECHAODA, số IMEI: 86607202765378 và 86607202765386 đã qua sử dụng; 01 (một) dụng cụ sạc pin điện thoại màu trắng và 01 (một) tai nghe điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu KECHAODA, đã qua sử dụng; 01 (một) Sim điện thoại Viettel, trên Sim có số 8984048841001642152, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ nhớ dung lượng 8GB, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,55 chỉ có đính hạt màu đỏ, trên nhẫn có dòng chữ KCTV và số 34; 01 (một) dây thắt lưng màu vàng nâu, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép kẹp màu vàng, đã qua sử dụng cho Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Cbán quá giá. Số tiền thu hồi tiền để khắc phục 01 phần thiệt hại cho bị hại. Tịch thu số tiền 990.000đồng để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn Hthừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng thể hiện là đúng, bị cáo không có bổ sung về nội dung bản cáo trạng, bị cáo cảm thấy ăn năn hối lỗi về hành vi của mình.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Hthừa mặt nhưng có gửi bản Luận cứ đến Tòa án, nội dung bản luận cứ thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại bà Thạch Thị Qui N, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình gây án bị cáo bị bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ. Đồng thời bị hại Thạch Thị Qui N cũng có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng đề nghị HĐXX áp dụng các điểm h, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo thống nhất với ý kiến bào chữa của trợ giúp viên pháp lý và không bổ sung gì thêm.

Người bị hại Thạch Thị Qui N, Giang N yêu cầu bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa R trình bày số tiền 7.000.000 đồng là tiền của gia đình do gia đình bà tự nguyện bồi thường thay bị cáo, bà không có yêu cầu bị cáo trả lại.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn lại có mặt tại phiên tòa đều trình bày phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và hồ sơ vụ án và không có yêu cầu gì.

Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đều trình bày và xác nhận nội dung sự việc đúng như bị cáo đã trình bày tại phiên tòa và hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H:

[1.1] Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện, đối chiếu lời thừa nhận của bị cáo với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án chứng minh được: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 15 tháng 11 năm 2016, bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi vào nhà ông Giang N và bà Thạch Thị Qui N lén lút lấy trộm số tiền 14.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[1.2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo cho rằng nguyên nhân bị cáo phạm tội là do cần tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền người khác để tiêu xài cho mục đích cá nhân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bản thân bị cáo là người thành niên, có đầy đủ sức khỏe nhưng không tự mình lao động ra của cải vật chất cho bản thân và gia đình, hay tích cực cùng với chính quyền địa phương bảo vệ trật tự trị an trong xóm ấp, bảo vệ thành quả lao động chính đáng của gia đình, của bản thân, của bà con lối xóm. Không làm được như vậy bị cáo học đòi theo những phần tử xấu, lười lao động, chỉ vì ham muốn nhanh chóng có tài sản nhưng không phải lao động chân chính dẫn đến hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy đối với bị cáo Nguyễn Văn H cần áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự để lên cho bị cáo

một mức án tương ứng với mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt có lợi cho gia đình và hữu ích cho xã hội.

[1.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

[1.4] Với tính chất của vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, lẽ ra phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo hiện tại bị bệnh: chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70-ICD.10) khi phạm tội có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tác động gia đình đã khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt. Do đó, khi quyết định hình phạt nghĩ nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm điểm b, n, h, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Từ những tình tiết nêu trên cho nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Châu Điện giám sát và giáo dục. Đồng thời, tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục học tập để trở thành một công dân có ích cho xã hội.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

[2.1] Tại Tòa hôm nay bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo cũng đồng ý bồi thường. Hội đồng xét thấy bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng.

[2.2] Bà Thạch Thị Sa R là mẹ bị cáo đã thay bị cáo bồi thường, khắc phục cho bị hại Thạch Thị Qui N số tiền 7.000.000 đồng. Tại Tòa bà Sa R không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về vật chứng vụ án:

[3.1] Đôi với bao gạo màu xanh trọng lượng 25 kg, miệng bao được may kín, trên bao gạo có chữ “ GAO ĐẶC SẢN SARI, chất lượng đặc biệt” Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cđã trao trả bao gạo cho bà Thạch Thị Sa R xong và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Về số vật chứng của án gồm: 01 (một) điện thoại di động màu bạc, hiệu KECHAODA, số IMEI: 86607202765378 và 86607202765386 đã qua sử dụng; 01 (một) dụng cụ sạc pin điện thoại mà trắng và 01 (một) tai nghe điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu KECHAODA, đã qua sử dụng; 01 (một) Sim điện thoại Viettel, trên Sim có số 8984048841001642152, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ nhớ dung lượng 8GB, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K,

trọng lượng 0,55 chỉ có đỉnh hạt màu đỏ, trên nhãn có dòng chữ KCTV và số 34; 01 (một) dây thắt lưng màu vàng nâu, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép kẹp màu vàng, đã qua sử dụng. Số vật chứng này bị cáo đã dùng tiền trộm được để mua số tài sản trên, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên tịch thu toàn bộ số tài sản trên giao cho Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện C quá giá bán để đảm bảo thi hành án. Số tiền bán quá giá để khắc phục 01 phần thiệt hại cho bị hại. Tịch thu số tiền 990.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên bị cáo được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

[5] Tại tòa hôm nay quan điểm của Kiểm sát viên về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đều phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Đối với phần trình bày của bị cáo Nguyễn Văn H phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và hồ sơ vụ án; đồng thời tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[7] Đối với bài luận cứ người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; Điều 60; điểm b, h, n, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự

Căn cứ vào Điều 42 của Bộ Luật hình sự 1999; áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Văn H đồng ý bồi thường cho bị hại Giang N và Thạch Thị Qui N số tiền 7.000.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa bồi thường số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tuyên tịch thu toàn bộ số vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động màu bạc, hiệu KECHAODA, số IMEI: 86607202765378 và 86607202765386 đã qua sử dụng; 01 (một) dụng cụ sạc pin điện thoại màu trắng và 01 (một) tai nghe điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu KECHAODA, đã qua sử dụng; 01 (một) Sim điện thoại Viettel, trên Sim có số 8984048841001642152, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ nhớ dung lượng 8GB, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,55 chỉ có đính hạt màu đỏ, trên nhẫn có dòng chữ KCTV và số 34; 01 (một) dây thắt lưng màu vàng nâu, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép kẹp màu vàng, đã qua sử dụng giao cho Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Cqua giá bán để đảm bảo thi hành án. Số tiền bán quá giá để khắc phục 01 phần thiệt hại cho bị hại. Tịch thu số tiền 990.000đồng để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn H.

Bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điêu Hoàng Tiếp